

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-PT

Ngày 28/4/2022

*“V/v Ly hôn, tranh chấp chia tài sản
chung khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các thẩm phán: - Bà Hoàng Thị Hải Hương.

- Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Lương Thất Tùng- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 3 và 28 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2022/TLPT-HNGĐ ngày 18/2/2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn”.

Do bản án sơ thẩm số 41/2021/HNGĐ-ST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐ-PT ngày 01/3/2022, Quyết định ngừng phiên tòa số 07/2022/QĐ-PT ngày 28/3/2022, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Đoàn Thị Th, sinh năm 1952. (Có mặt).

Địa chỉ: Xóm Ga Sen Hồ, tổ dân phố Hoàng Mai 1, thị trấn N, huyện V, tỉnh B.

**** Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1962. (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố Hoàng Mai 1, thị trấn N, huyện V, tỉnh B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B: Ông Thân Văn D- Trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B. (Có mặt).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1989. (Có mặt).

2. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1982. (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Xóm Ga Sen Hồ, tổ dân phố Hoàng Mai 1, thị trấn N, huyện V, tỉnh B.

3. Ủy ban nhân dân huyện V; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đại L- Chủ tịch UBND huyện V.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Thân Thị L- Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện V (vắng mặt- Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện V- Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn L1- Chủ tịch Ủy ban (vắng mặt).

* *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn B - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

* *Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đoàn Thị Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông B sống chung từ ngày 15/01/1984 (âm lịch). Có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Việc này có những người trong gia đình ông B biết. Nhưng không đăng ký kết hôn. Sau đó bà về sống cùng ông B. Đến năm 1999, bà và ông B không sống chung nữa. Hiện ông B đã sống với người phụ nữ khác. Bà xác định hai bên không còn tình cảm gì đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Văn B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1989. Chị Thủy đã trưởng thành, bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng có tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 38, tờ bản đồ số 12 diện tích 84m² ở Xóm Ga Sen Hồ, thị trấn N, huyện V, tỉnh B có giá trị là 2.940.000.000.000VNĐ (hai tỷ bốn trăm chín mươi triệu đồng). Nguồn gốc thửa đất này vợ chồng bà được Nhà nước giao quyền sử dụng đất năm 1992. Trước đó từ năm 1984 đến năm 1992 vợ chồng bà sống trên mảnh đất do bố mẹ ông B để lại. Năm 1992, vợ chồng bà đã bán thửa đất của bố mẹ ông B để lại cho ông Sinh bà Đình ở Hoàng Mai 2, thị trấn N, gần đất nhà bà đang sống. Khi ly hôn bà đề nghị giao cho bà được quyền sử dụng thửa đất bà sẽ trích chia ½ giá trị tài sản chung cho ông B. Diện tích 100m² đất nông nghiệp không có trong GCNQSDĐ hiện chị Thủy, anh M xây nhà lấn chiếm có nguồn gốc là bà mua của vợ chồng anh Tuấn chị Bấy với giá 27 đồng để trồng rau vào năm 1991, khi mua không có giấy tờ gì, xung quanh giáp đất nhà ông Đoan và nhà ông Dũng Dương. Bà xác định diện tích đất này là tài sản chung của vợ chồng bà. Bà đề nghị giao cho bà được quyền sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng bà. Giá đất nông nghiệp ở địa phương theo nhà nước thu hồi là 6.000.000VNĐ/360m².

Tại phiên tòa hôm nay bà Th giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, chia tài sản

chung đối với diện tích đất đã được cấp GCNQSDĐ. Riêng diện tích đất lấn chiếm thuộc quyền quản lý của UBND thị trấn N bà không yêu cầu xem xét giải quyết.

** Bị đơn là ông Nguyễn Văn B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Th tự theo về sống chung với ông từ khoảng tháng 01/1986 (âm lịch). Việc này có ông Đoàn Văn H, sinh năm 1967; địa chỉ: Hoàng Mai 1, thị trấn N; anh Đoàn Cảnh L, sinh năm 1963; địa chỉ: Hoàng Mai 1, thị trấn N; ông Đoàn Cảnh Th2, sinh năm 1963 ở Hoàng Mai 2, thị trấn N biết. Ông không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà Th vì ông không coi bà Th là vợ. Bà Th tự đến với ông thì tự đi, không cần phải giải quyết ly hôn. Ông và bà Th không sống chung cùng nhau từ năm 1999.

Về tài sản: Ông xác định thửa đất số 38, tờ bản đồ số 12 diện tích 84m² (theo sổ đỏ) ở Xóm Ga Sen Hồ, thôn Hoàng Mai 1, thị trấn N mà bà Th đang sử dụng ông xác định là tài sản của riêng ông. Lý do ông xác định quyền sử dụng thửa đất là tài sản của riêng ông là vì nguồn gốc thửa đất là do ông đòi đất của bố mẹ ông cho địa phương khoảng năm 1992 để được sử dụng thửa đất số 38, tờ bản đồ số 12 để ông bán nước kiếm sống. Ông Đoàn Văn Mằm, ông Nguyễn Văn Thành, ông Nguyễn Văn Lâm là những người giao đất cho ông. Thửa đất trong làng của bố mẹ ông để lại ở Hoàng Mai 2, thị trấn N, khoảng năm 1992 ông đã bán tài sản trên đất gồm nhà, và cây trên đất cho ông Sinh, bà Dĩnh, ông không bán đất cho ông Sinh, bà Dĩnh. Ông Sinh, bà Dĩnh được sử dụng đất đó là do nhà nước giao. Năm 2015, khi cấp GCNQSDĐ, ông là người ký giấy để Nhà nước cấp GCNQSDĐ mang tên cả ông và bà Th. Ông yêu cầu bà Th trích trả ông số tiền 3.000.000.000 VNĐ thì ông đồng ý để bà Th được toàn quyền sử dụng thửa đất.

Năm 1991, ông mua thêm đất của vợ chồng anh Tuấn chị Bẩy ở Tổ dân phố Hoàng Mai 1, thị trấn N, huyện V, tỉnh B để canh tác, diện tích khoảng 100m² đất vị trí sát với đất ở. Nguồn gốc đất ban đầu của anh Tuấn chị Bẩy đầu thầu của thôn, sau bán lại cho ông. Khi mua bán, hai bên không lập văn bản gì, không có hợp đồng, chỉ nói miệng với nhau với giá 01 tạ thóc. Ông Xác định 100m² đất nông nghiệp ông mua thêm của vợ chồng anh Tuấn chị Bẩy là tài sản chung ông đề nghị chia đôi. Giá đất nông nghiệp ở địa phương theo nhà nước thu hồi là 96.000.000VNĐ/360m².

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Chị Nguyễn Thị Th1 trình bày: Bố chị là ông Nguyễn Văn B đã gọi vợ chồng chị lên nhà nói bố mẹ già không xây được nhà vợ chồng chị làm được đến đâu thì làm. Năm 2019, vợ chồng chị xây nhà 06 tầng để kinh doanh trên thửa đất số 38, tờ bản đồ số 12 diện tích 84m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và có xây lán ra bên ngoài khoảng 100m² ở xóm Ga Sen Hồ, thị trấn N, huyện V, tỉnh B. Năm 2020, ông B về yêu cầu vợ chồng chị đưa cho ông 1.500.000.000VNĐ thì ông để cho tiếp tục sử dụng nhưng vợ chồng chị không có tiền để đưa cho ông B. Nay việc

ông B và bà Th tranh chấp đối với thửa đất trên chỉ đề nghị giao thửa đất cho bà Th sử dụng. Ngoài ra, chỉ không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì.

Đối với số tiền thẩm định, định giá tài sản chỉ đã nộp thay cho bà Th chỉ không yêu cầu bà Th và ông B phải trả cho chỉ.

Ủy ban nhân dân thị trấn N do ông Đỗ Văn L1- phó Chủ tịch đại diện theo ủy quyền trình bày: Thửa đất số 38, tờ bản đồ số 12 diện tích 84m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) ở xóm Ga Sen Hồ, thôn Hoàng Mai 1, thị trấn N, huyện V, tỉnh B được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng bà Th, ông B từ năm 2015 đến nay. Diện tích đất xây dựng lần chiếm thuộc thửa số 36 tờ bản đồ số 12 có tổng diện tích là 637,6m², đây là đất 5% thuộc quản lý của UBND thị trấn N, huyện V, tỉnh B. Qua kiểm tra xác định có lần chiếm diện tích đất công ích, Ủy ban thị trấn đã nhắc nhở, lập biên bản, ra quyết định cưỡng chế nhưng chưa thực hiện. Nay bà Th ông B ly hôn có yêu cầu chia tài sản là thửa đất trên, đề nghị Tòa án chỉ xem xét giải quyết trên phần diện tích được sử dụng. Đối với phần diện tích đất lần chiếm đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của các bên về việc phân chia diện tích đất này. Ủy ban nhân dân thị trấn N sẽ báo cáo đề nghị UBND huyện V giải quyết theo thủ tục hành chính.

UBND huyện V do bà Thân Thị L đại diện theo ủy quyền trình bày: Tháng 3 năm 2008, ông B kê khai cấp GCN QSD đất cho thửa đất nêu trên (diện tích 84m² tại thửa 38, tờ bản đồ 12 theo bản đồ địa chính xã Hoàng Ninh đo năm 2002-2003), được UBND huyện V cấp GCN QSD đất theo Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 19/11/2008 mang tên ông Nguyễn Văn B và bà Đoàn Thị Th (số thứ tự 192 danh sách kèm theo).

Đến tháng 4 năm 2015, ông B tiếp tục kê khai cấp GCN QSD đất lần đầu cho thửa đất nêu trên (diện tích 84m² tại thửa 38, tờ bản đồ 12 theo bản đồ địa chính xã Hoàng Ninh đo năm 2002-2003), được UBND huyện V cấp GCN QSD đất số seri CB 796403, số vào sổ CH00827 ngày 29/10/2015 mang tên ông Nguyễn Văn B và bà Đoàn Thị Th.

Như vậy, có cơ sở xác định diện tích 84m² đã cấp GCNQSD đất nêu trên thuộc quyền sử dụng chung của ông B, bà Th.

Diện tích 100m² ông Mạnh, bà Th1 (con ông B, bà Th) xây dựng công trình ngày 3/4/2019 trên đất chưa được phép xây dựng. Hành vi của ông Mạnh, bà Th1 là vi phạm pháp luật đất đai, được Chủ tịch UBND thị trấn N phát hiện, lập hồ sơ xử lý vi phạm theo quy định. Do đó việc ông B (ông Mạnh, bà Th1) đề nghị giao 100m² tăng thêm cho ông B là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Người làm chứng là bà Trần Thị Hương trình bày: Ông B và bà Th được 02 bên gia đình hỏi, cưới theo phong tục nhưng do hoàn cảnh gia đình ông B khó khăn nên chỉ làm nhỏ gọn, bà có đến dự lễ cưới. Thời gian đã lâu nên bà không nhớ là khi nào.

Bà Nguyễn Thị Dĩnh trình bày: Gia đình bà có mua mảnh đất của ông B vào khoảng năm 1992, khi mua hai bên thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ đất và tài sản

trên đất, khi mua hai bên thỏa thuận nhà bà trả nhà ông B bằng thóc, gạch và vàng do thời gian đã lâu bà không nhớ chính xác giá trị cụ thể.

Với nội dung trên Bản án sơ thẩm số 41/2021/HNGĐ-ST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện V đã xử:

Căn cứ vào: Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 33, Điều 34, Điều 38, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 về hướng dẫn thi hành nghị quyết số 35/2000/QH10; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Th được ly hôn ông Nguyễn Văn B.

2. Về tài sản chung: Xác định thửa đất số 38, tờ bản đồ số 12 diện tích 84m² ở thôn Hoàng Mai 1, thị trấn N, huyện V, tỉnh B được UBND huyện V cấp GCN QSD đất số seri CB 796403, sổ vào sổ CH00827 ngày 29/10/2015 mang tên ông Nguyễn Văn B và bà Đoàn Thị Th có giá trị là 2.940.000.000VNĐ là tài sản chung của bà Đoàn Thị Th và ông Nguyễn Văn B. Giao cho bà Đoàn Thị Th được quyền sử dụng toàn bộ khối tài sản chung này nhưng bà Th phải trích chia cho ông Nguyễn Văn B số tiền 1.470.000.000VNĐ. Ông Nguyễn Văn B được nhận số tiền 1.470.000.000VNĐ trích chia tài sản chung từ bà Đoàn Thị Th.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn B về việc xác định diện tích đất lấn chiếm là tài sản chung của vợ chồng để phân chia.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 12/01/2022, ông Nguyễn Văn B là bị đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Ông kháng cáo phân chia tài sản chung của bản án sơ thẩm, đề nghị phân chia lại tài sản của gia đình ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn là bà Đoàn Thị Th không rút đơn khởi kiện và bị đơn là ông Nguyễn Văn B không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn có kháng cáo và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn thống nhất trình bày: Thửa đất số 38, tờ bản đồ số 12, diện tích 84m² ở xóm Ga Sen Hồ, thôn Hoàng Mai 1, thị trấn N mà bà Th đang sử dụng ông xác định là tài sản của riêng ông vì nguồn gốc thửa đất là do ông đổi đất của bố mẹ ông cho địa phương khoảng năm 1992 để được sử dụng thửa đất số 38, tờ bản đồ số 12 để ông bán nước kiếm sống. Năm 2015, khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông là người ký giấy để nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cả ông và bà Th. Ông yêu cầu bà Th phải trích trả cho ông số tiền 3.000.000.000đồng thì ông đồng ý để bà Th được toàn quyền sử dụng thửa đất. Bản án sơ thẩm trích chia cho ông số tiền 1.470.000.000đồng ông không đồng ý. Ông B cũng đồng ý trả cho bà Th ½ giá trị thửa đất là 2,5 tỷ g và trả cho chị Thủy, anh M giá trị tài sản trên đất

theo giá trị tại thời điểm hiện tại. Đề nghị ngừng phiên tòa để định giá đối với tài sản của chị Thủy, anh M.

- Nguyên đơn là bà Đoàn Thị Th trình bày: Bà không đồng ý với kháng cáo của ông B. Bà chỉ đồng ý chia cho ông B số tiền như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Th1 và anh Nguyễn Văn M trình bày: Do tài sản trên đất là của anh chị nên anh chị tự nguyện đồng ý cùng có trách nhiệm với mẹ anh chị là bà Th trích trả giá trị thửa đất cho ông B.

Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để định giá tài sản trên đất theo yêu cầu của ông B. Ngày 20/4/2022, Hội đồng định giá tài sản đã tiến hành định giá toàn bộ tài sản gắn liền trên thửa đất số 38, tờ bản đồ số 12 tại xóm Ga Sen Hồ, thị trấn N, huyện V, tỉnh B. Kết quả định giá như sau:

Tài sản trên đất gồm 01 nhà ở cấp 3 loại 1, công trình khép kín tổng 6 tầng, diện tích sàn tổng là 922,2m² xây dựng năm 2020 giá trị sử dụng còn 94%, đơn giá thuộc thị trấn là 6.160.000đồng/1m². Tổng giá trị: 5.339.906.880đồng (922,2m² x 94% x 6.160.000đồng).

- Phần bán mái gồm 3 phần. Tổng diện tích bán mái là 182,82m², xây dựng năm 2020 giá trị sử dụng còn 94%, đơn giá thuộc thị trấn là 1.176.000đồng/m². Tổng giá trị: 202.096.541đồng (182,82m² x 94% x 1.176.000đồng).

Tổng giá trị tài sản trên đất: 5.542.003.421đồng.

Tại phiên tòa ngày 28/4/2022, ông B giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, đề nghị được nhận nhà đất và trích chia giá trị bằng tiền cho bà Th và chị Thủy, anh M.

Bà Th, anh M, chị Thủy không đồng ý với yêu cầu của ông B, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn B, xử hủy bản phần giải quyết về tài sản của bản án sơ thẩm số 41/2021/HNGĐ-ST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện V.

Án phí dân sự sơ thẩm về phần tài sản và chi phí tố tụng sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện V đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; Đại diện ủy ban nhân huyện V vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Ủy ban nhân dân huyện V và Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện V.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Th có yêu cầu ly hôn với ông B và yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn nên đây là vụ án tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Về thẩm quyền: Bà Th yêu cầu ly hôn với ông B, ông B cư trú tại Thị trấn N huyện V nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện V theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trên cơ sở đó, Tòa án nhân dân huyện V đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn B về việc chia tài sản chung của gia đình ông như bản án sơ thẩm là không đúng quy định của pháp luật, đề nghị chia lại, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nguồn gốc thửa đất: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền nghĩa vụ liên quan là UBND các cấp đều xác định nguồn gốc thửa đất 38, tờ bản đồ 12, diện tích 84m² địa chỉ ở thôn Hoàng Mai 1, thị trấn N, huyện V có nguồn gốc được giao cho bà Th, ông B từ năm 1992. Đến tháng 3 năm 2008, ông B kê khai cấp GCNQSD đất cho thửa đất nêu trên với diện tích 84m² tại thửa 38, tờ bản đồ 12 theo bản đồ địa chính xã Hoàng Ninh đo năm 2002-2003 và được UBND huyện V cấp GCN QSD đất theo Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 19/11/2008 mang tên ông Nguyễn Văn B và bà Đoàn Thị Th (*số thứ tự 192 danh sách kèm theo*). Đến tháng 4 năm 2015, ông B tiếp tục kê khai cấp GCN QSD đất lần đầu cho thửa đất nêu trên (diện tích 84m² tại thửa 38, tờ bản đồ 12 theo bản đồ địa chính xã Hoàng Ninh đo năm 2002-2003), được UBND huyện V cấp GCN QSD đất số seri CB 796403, số vào sổ CH00827 ngày 29/10/2015 mang tên ông Nguyễn Văn B và bà Đoàn Thị Th.

Thời điểm giao đất vợ chồng ông B, bà Th đã sống chung cùng nhau và có 01 con chung như vậy quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 38 phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Căn cứ vào quy định tại Điều 33, Điều 34 luật hôn nhân gia đình Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 38 là tài sản chung của vợ chồng bà Th, ông B là có căn cứ.

Tuy nhiên, trên đất có tài sản là nhà 6 tầng của vợ chồng anh M, chị Thủy, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định các bên đương sự đều không yêu cầu giải quyết

tài sản trên đất nên không xem xét giải quyết, là không đảm bảo việc thi hành án, trên đất có tài sản của người thứ ba nếu đương sự không có yêu cầu thì khi giải quyết vụ án thì Tòa án cũng phải xem xét giải quyết để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự, cũng như đảm bảo việc thi hành án. Tòa án cấp sơ thẩm chưa định giá đối với tài sản trên đất, tòa án cấp phúc thẩm đã định giá đối với tài sản này theo yêu cầu của ông B. Theo biên bản định giá nhà trên thửa đất có trị giá là 5.542.003.421 đồng, chị Thủy, anh M không đồng ý giá của hội đồng định giá mà xác định nhà trên đất là khoảng 12 tỷ nhưng không đề nghị định giá lại.

Do tài sản trên đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của chị Thủy, anh M, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết phần tài sản trên đất này, không giao cho ai quản lý, sử dụng mà chỉ giao cho bà Th quản lý, sử dụng thửa đất và trích chia bằng tiền cho ông B thì sẽ không đảm bảo việc thi hành án và ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị Thủy, anh M. Nếu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết ngay về phần tài sản trên đất thì các đương sự sẽ không có quyền kháng cáo về phần này.

Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, thu thập chứng cứ và chưa giải quyết về tài sản trên đất nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể giải quyết được, để đảm bảo chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện V giải quyết lại.

Về chi phí định giá tài sản ở cấp phúc thẩm: Ông B tự nguyện nhận chịu cả số tiền định giá tài sản trên đất là 4.100.000 đồng, nên cần công nhận sự tự nguyện của ông B. Xác nhận ông B đã nộp đủ số tiền 4.100.000 đồng.

[3.2]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn B, hủy một phần bản án sơ thẩm số 41/2021/HNGĐ-ST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện V về phần tài sản, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

[4]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự chưa phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng. Nghĩa vụ chịu án phí và chi phí tố tụng được xác định khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn B, xử:

1. Hủy phần giải quyết về tài sản của bản hôn nhân gia đình sơ thẩm số 41/2021/HNGĐ- ST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B xét xử về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa bà Đoàn Thị Th và ông Nguyễn Văn B.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự chưa phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng. Nghĩa vụ chịu án phí và chi phí tố tụng được xác định khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện V;
- VKSND tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện V;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu Hiền Hoàng Thị Hải Hường

Trần Thị Hà

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Thu Hiền Nguyễn Thị Hương Giang

Trần Thị Hà

